

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN QUẢN LÝ KINH DOANH VÀ MARKETING
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH DOANH VÀ MARKETING
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH DOANH
MÃ NGÀNH: 7340101

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	12
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	13
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	14
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	16
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	22
2.4. Tóm tắt các học phần	25

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh doanh và marketing do Viện đào tạo quốc tế xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Quản lý kinh doanh và marketing
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	135
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Anh
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Chương trình tiên tiến góp phần nâng cao chất lượng, giúp đổi mới giáo dục đại học để Trường Đại học Hàng hải Việt Nam xứng đáng là trường đại học trọng điểm quốc gia, mang đẳng cấp quốc tế.

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Kinh doanh quốc tế và Logistics nắm vững lý thuyết khoa học xã hội, phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của thương mại quốc tế, đồng thời được trang bị kiến thức và kỹ năng để làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức thuộc chính phủ.

a. Về phẩm chất đạo đức

Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có đạo đức nhân cách tốt, có tác phong công nghiệp; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

b. Về kiến thức:

- Xây dựng các chiến lược tác nghiệp cho các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các công ty vận tải và các nhà máy sản xuất;
- Tổ chức điều phối mạng lưới phân phối hàng hóa tối ưu cho các doanh nghiệp sản xuất;
- Xây dựng được các chiến lược marketing theo nguyên lý tối ưu hóa của chuỗi cung ứng nghiệp sản xuất và dịch vụ;
- Quản lý kho hàng và lập kế hoạch tối ưu hóa lượng hàng tồn kho tại các doanh nghiệp; xây dựng chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực cho các công ty;
- Xây dựng, thiết lập các mối quan hệ với khách hàng theo quan điểm của chuỗi cung ứng; Kết hợp và điều phối các loại hình phương tiện vận tải nhằm cung cấp mạng lưới vận tải tối ưu cho công ty và cho khách hàng.

c. Về kỹ năng:

- Có trình độ ngoại ngữ, tin học để thực hiện công tác chuyên môn và giao tiếp;
- Có kỹ năng giao tiếp, xử lý phát triển các chính sách kinh doanh thương mại trong xu thế toàn cầu hóa;
- Có kỹ năng xây dựng, thiết lập các mối quan hệ với khách hàng theo quan điểm của chuỗi cung ứng; Kết hợp và điều phối các loại hình phương tiện vận tải nhằm cung cấp mạng lưới vận tải tối ưu cho công ty và cho khách hàng.

d. Về khả năng công tác:

Cử nhân Kinh doanh quốc tế và Logistics được chuẩn bị cho các vị trí lập kế hoạch và hoạch định chính sách trong các lĩnh vực kinh doanh quốc tế và logistics, cụ thể làm việc trong các tổ chức và các lĩnh vực sau đây:

- Các tập đoàn đa quốc gia, liên doanh, tổ chức tài chính, các công ty luật, công ty tư vấn toàn cầu, công ty xuất nhập khẩu;

- Các cơ quan quản lý các cấp liên quan tới việc hoạch định chính sách cho hoạt động logistics và chuỗi cung ứng, lập kế hoạch và điều phối tại các nhà máy sản xuất, tham gia điều phối các tập đoàn bán lẻ;

- Các công ty cung ứng dịch vụ logistics, các doanh nghiệp vận tải biển, bộ và hàng không, các đại lý hàng, đại lý vận tải, cảng biển, ICD, cảng hàng không, tổ chức - khai thác - quy hoạch kho hàng;

- Bất kỳ công ty và doanh nghiệp nào có ứng dụng logistics trong các hoạt động tổ chức khai thác sản xuất của doanh nghiệp như dầu khí, khai thác mỏ, xuất nhập khẩu... hoặc phục vụ cho hậu cần quân đội.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản		
1.1.1	Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật	K2	
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		3
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3
1.1.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3
1.1.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1.1.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3
1.1.1.6	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp lệnh Phòng chống tham nhũng</i>		2
1.1.2	Kiến thức cơ bản về ngoại ngữ	K3	
1.1.2.1	<i>Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập chuyên môn và làm việc, nghiên cứu</i>		3
1.1.2.2	<i>Có khả năng thực hành đọc, viết, tìm tài liệu bằng tiếng Anh cho các mục đích học tập, nghiên cứu.</i>		3
1.1.3	Kiến thức cơ bản về toán học và khoa học cơ bản	K1	
1.1.3.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>		3
1.1.3.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		3
1.1.4	Kiến thức cơ bản về tư duy và thuyết trình	K3	
1.1.4.1	<i>Nhớ được các khái niệm, nguyên tắc, đặc điểm... của tư duy phản biện Nhớ được các phương pháp, kỹ năng tư duy logic, sáng tạo ... trong việc ra quyết định hoặc giải quyết vấn đề</i>		2
1.1.4.2	<i>Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong việc truyền đạt và biểu thị một thông điệp bằng lời nói, cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể</i>		3
1.2	Kiến thức cơ sở ngành		
1.2.1	Marketing logistics	K1	
1.2.1.1	<i>Có thể hiểu các khái niệm cơ bản về marketing</i>		2
1.2.1.2	<i>Có thể hiểu và giải thích mối quan hệ giữa các hoạt động Logistics và chiến lược marketing</i>		2
1.2.2	Tiếng Anh chuyên môn 1	K1	2
1.2.2.1	<i>Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập chuyên môn và làm việc, nghiên cứu</i>		2
1.2.3	Kinh tế vi mô	K1	2
1.2.3.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>		2
1.2.3.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>		2
1.2.4	Nguyên lý kế toán	K1	
1.2.4.1	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>		2
1.2.4.2	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>		2

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1.2.5	Kinh tế vĩ mô	K1	2
1.2.5.1	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2
1.2.5.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2
1.2.6	Hàng hóa	K1	2
1.2.6.1	<i>Nêu tên được các loại hàng hóa khác nhau: đặc điểm, tính chất, phương thức xếp dỡ hàng hóa, cách thức bảo quản, chằng buộc, chèn lót...</i>		2
1.2.6.2	<i>Nhớ được các vấn đề cơ bản liên quan đến hàng hóa trong lĩnh vực hàng hải như an ninh hàng hóa, bảo hiểm hàng hóa, giao nhận hàng hóa.</i>		2
1.2.7	Tổng quan về logistics và chuỗi cung ứng	K1	2
1.2.7.1	<i>Nắm bắt được các lý luận cơ bản về logistics, các hoạt động logistics kinh doanh, dịch vụ logistics và cơ sở hạ tầng logistics, các vấn đề thực tiễn trong phát triển logistics; các khái niệm cơ bản về chuỗi cung ứng, các bên tham gia chuỗi cung ứng và mối quan hệ giữa các bên trên chuỗi cung ứng</i>		2
1.2.8	Kinh doanh quốc tế 1	K1	3
1.2.8.1	<i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về tập đoàn đa quốc gia: khái niệm, đặc điểm, động cơ phát triển ra thị trường quốc tế, các phương thức xâm nhập thị trường quốc tế...</i>		3
1.2.8.2	<i>Hiểu được các chiến lược của tập đoàn đa quốc gia: chiến lược sản xuất, chiến lược tổ chức, ... khi tham gia vào thị trường quốc tế</i>		3
1.2.9	Thực tập cơ sở ngành		
1.2.9.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo về bối cảnh, cách thức tổ chức và môi trường hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức trong lĩnh vực logistics</i>		2
1.2.10	Logistics toàn cầu	K1	3
1.2.10.1	<i>Có hiểu biết một cách hệ thống về hoạt động, bối cảnh của logistics toàn cầu</i>		3
1.2.10.2	<i>Có thể triển khai một tình huống hướng tổ chức Logistics quốc tế</i>		3
1.2.11	Thảo luận 1: Phương pháp và thiết kế	K1	3
1.2.11.1	<i>Hiểu được khái niệm phương pháp nghiên cứu, quy trình nghiên cứu khoa học</i>		3
1.2.11.2	<i>Hiểu được các lý thuyết, mô hình, các phương pháp, công cụ xử lý dữ liệu và cách trình bày các công trình nghiên cứu khoa học</i>		3
1.2.12	Thảo luận 2: Dự án đầu tư	K2	2
1.2.12.1	<i>Hiểu được kiến thức về quản trị dự án và các kỹ thuật quản trị dự án</i>		2
1.2.12.2	<i>Lên kế hoạch và đánh giá một dự án đầu tư giả định</i>		2

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1.3	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.3.1	Logistics cảng biển	K1	3
1.3.1.1	<i>Có thể hiểu biết và giải thích một cách hệ thống về cấu trúc, thành phần, hạ tầng, trang thiết bị, chức năng và hoạt động cảng biển</i>		3
1.3.1.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics cảng biển</i>		3
1.3.2	Quản trị kho hàng	K1	4
1.3.2.1	<i>Có hiểu biết về các bộ phận, cấu trúc và các loại kho hàng cũng như hệ thống trang thiết bị trong kho hàng</i>		3
1.3.2.2	<i>Có thể hiểu, mô tả và giải thích các nguyên lý quản trị kho hàng</i>		3
1.3.2.3	<i>Có khả năng thiết kế một kho hàng theo tình huống cụ thể</i>		4
1.3.3	Kinh doanh dịch vụ logistics	K1	3
1.3.3.1	<i>Có khả năng nắm được kiến thức lý luận cơ bản về dịch vụ logistics, nội dung của logistics dịch vụ theo các lĩnh vực</i>		3
1.3.4	Thực tập 2		
1.3.4.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo mô tả về một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm tại doanh nghiệp</i>		
1.3.5	Logistics vận tải	K1	4
1.3.5.1	<i>Có hiểu biết về các phương thức vận tải và vai trò của hoạt động vận tải trong chuỗi logistics</i>		4
1.3.5.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics vận tải</i>		4
1.3.6	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	K1	3
1.3.6.1	<i>Có khả năng nhận thức tổng quát về chuỗi cung ứng và các bên tham gia vào chuỗi cung ứng.</i>		3
1.3.7	Kinh doanh quốc tế 2	K1	3
1.3.7.1	<i>So sánh được các phương pháp thâm nhập thị trường quốc tế khác nhau: đầu tư nước ngoài, xuất nhập khẩu, M&A, JVs, ...</i>		3
1.3.7.2	<i>Mô tả được quy trình cơ bản của hoạt động thương mại quốc tế - xuất nhập khẩu hàng hóa</i>		3
1.3.8	Thực tập tốt nghiệp		4
1.4.8.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo phân tích, đánh giá về một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm tại doanh nghiệp</i>		4
1.3.9	Khóa luận tốt nghiệp		
1.3.9.1	<i>Phân tích một vấn đề liên quan đến chuyên ngành kinh doanh quốc tế và logistics trong thực tiễn</i>		4

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1.3.9.2	<i>Áp dụng kiến thức đã học để giải quyết, khắc phục hoặc cải tiến vấn đề liên quan đến chuyên ngành kinh doanh quốc tế và logistics trong thực tiễn để viết và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.</i>		4
1.4	Kiến thức tự chọn		
1.4.1	Quản trị tài chính	K3	3
1.4.1.1	<i>Hiểu một loạt các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính doanh nghiệp để: Sử dụng các kiến thức, tiêu chí để đánh giá một dự án đầu tư giúp cho quá trình ra quyết định đầu tư giảm được rủi ro. Phân tích được rủi ro của dự án đầu tư, quản lý được danh mục đầu tư. Hiểu được thời giá tiền tệ, áp dụng được các phương pháp định giá trái phiếu, cổ phiếu. Hiểu và ra được các quyết định quản trị tài chính. Quản trị vốn lưu động trong doanh nghiệp. Phân tích các chỉ tiêu tài chính để đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp.</i>		3
1.4.2	Chiến lược xây dựng và phát triển bền vững		3
1.4.2.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về chiến lược, quản trị chiến lược, quá trình quản trị chiến lược, các ma trận phân tích và lựa chọn chiến lược. Có khả năng hiểu và phân tích môi trường kinh doanh, vận dụng xây dựng, thực hiện, kiểm soát tốt quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp</i>		3
1.4.3	Kinh tế hàng hải 1	K1	3
1.4.3.1	<i>Nắm được các khái niệm, nội dung cơ bản liên quan đến kinh tế vận chuyển</i>		3
1.4.3.2	<i>Hiểu được cung cầu, chi phí, thị trường và các yếu tố tác động đến vận chuyển đường biển</i>		3
1.4.3.3	<i>Hiểu được cung, cầu, thị trường và các yếu tố ảnh hưởng đến vận chuyển đường biển</i>		3
1.4.4	Đạo đức kinh doanh	K1	3
1.4.4.1	<i>Diễn giải được các học thuyết đạo đức của con người nói chung và trong kinh doanh nói riêng</i>		3
1.4.4.2	<i>Mô tả được biểu hiện và ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tới các bên liên quan</i>		3
1.4.5	Tiếng Anh chuyên môn 2	K3	3
1.4.5.1	<i>Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập chuyên môn và làm việc, nghiên cứu</i>		3
1.4.6	Quản lý hoạt động kinh doanh	K1	3

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1.4.6.1	<i>Có khả năng điều hành hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Có khả năng lập một kế hoạch nghiên cứu và thực hiện một dự án để đáp ứng một vấn đề nào đó trong quản lý kinh doanh.</i>		3
1.4.7	Luật kinh doanh	K2	3
1.4.7.1	<i>Nắm được cái nhìn tổng quan về các vấn đề pháp lý trong cuộc sống cá nhân và/hoặc nghề nghiệp. Nắm được thủ tục tố tụng dân sự và hình sự. Có khả năng phân biệt giữa các loại luật khác nhau: hình sự, dân sự, luật lao động, kinh doanh, v.v... Am hiểu về quyền của trẻ vị thành niên, hợp đồng, các công cụ: tín dụng, nợ, phá sản, sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế, bản quyền và thương hiệu.</i>		3
1.4.8	Luật quốc tế	K1	3
1.4.8.1	<i>Nắm được nguồn gốc của pháp luật hàng hải quốc tế; hệ thống nhà nước tập trung; các điều ước quốc tế; các khía cạnh pháp lý của lãnh thổ, lãnh hải và vùng trời; luật biển; cướp biển và khủng bố trên biển; bộ luật ISPS; quyền tài phán quốc tế về người và tàu thuyền; thẩm phán và tòa án quốc tế; pháp luật của chiến tranh; và pháp luật của chiến tranh trên biển.</i>		3
1.4.9	Thiết kế hệ thống logistics	K1	3
1.4.9.1	<i>Có khả năng mô tả, phân tích các thành phần của hệ thống logistics và các hoạt động thiết kế hệ thống logistics</i>		3
1.4.10	Phân tích chuyên đề logistics	K2	3
1.4.10.1	<i>Hiểu được các tình huống thực tế theo các chuyên đề trong lĩnh vực logistics</i>		3
1.4.11	Địa lý kinh tế	K1	2
1.4.11.1	<i>Định nghĩa được các kiến thức cơ bản về địa lý kinh tế</i>		2
1.4.11.2	<i>Nêu tên được các tuyến vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường biển</i>		2
1.4.12	Quản trị rủi ro	K1	
1.4.12.1	<i>Hiểu được khái niệm về rủi ro và quản trị rủi ro, các nguyên tắc và phương pháp trong quản trị rủi ro</i>		
1.4.13	Bảo hiểm hàng hải	K1	2
1.4.13.1	<i>Hiểu được khái niệm chung về bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm, các nguyên tắc xác định giá trị và bồi thường tổn thất của đối tượng bảo hiểm hàng hải</i>		2

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TDNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn</i> <i>dắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Kinh doanh quốc tế và logistics có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp khai thác kinh doanh dịch vụ logistics.

Cử nhân Kinh doanh quốc tế và logistics có khả năng làm việc ở các vị trí điều phối, tổ chức hoạt động logistics trong bất cứ loại hình, lĩnh vực nào mà tự tổ chức thực hiện các hoạt động logistics trong nội bộ các doanh nghiệp đó.

Cử nhân Kinh doanh quốc tế và logistics có khả năng giảng dạy, tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực được đào tạo, tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ về lĩnh vực Logistics.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.
- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng

viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 135 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính tin học): 52 TC

b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 35 TC

c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 30 TC

d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 18 TC

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			12				

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			52				
1	19101	Marxist-Leninist Philosophy (Triết học Mác-Lênin)	3	1.1.1	TU2	1	
2	19401	Political Economy (Kinh tế chính trị)	2	1.1.1	T3	2	19101
3	19501	Scientific socialism (Chủ nghĩa xã hội khoa học)	2	1.1.1	TU3	2	
4	19201	Ho Chi Minh's Ideology (Tư tưởng Hồ Chí Minh)	2	1.1.1	U3	3	19101
5	19302	History of Vietnam Communist Party (Lịch sử Đảng)	2	1.1.1	T3	4	19101
6	11401	Introduction to Law (Pháp luật đại cương)	2	1.1.1	TU2	1	
7	25201A	General English - Listening 1 (Tiếng Anh cơ bản - Nghe 1)	3	1.1.2	TU2	1	
8	25211A	General English - Speaking 1 (Tiếng Anh cơ bản - Nói 1)	3	1.1.2	TU2	1	
9	25221A	General English - Reading 1 (Tiếng Anh cơ bản - Đọc 1)	3	1.1.2	TU2	1	
10	25231A	General English - Writing 1 (Tiếng Anh cơ bản - Viết 1)	3	1.1.2	TU2	1	
11	25202A	General English - Listening 2 (Tiếng Anh cơ bản - Nghe 2)	3	1.1.2	TU3	2	25201A
12	25212A	General English - Speaking 2 (Tiếng Anh cơ bản - Nói 2)	3	1.1.2	TU3	2	25211A
13	25222A	General English - Reading 2 (Tiếng Anh cơ bản - Đọc 2)	3	1.1.2	TU3	2	25221A
14	25232A	General English - Writing 2 (Tiếng Anh cơ bản - Viết 2)	3	1.1.2	TU3	2	25231A
15	25342A	English Composition (Cấu trúc tiếng Anh)	3	1.1.2	TU3	5	25232A
16	18125A	Mathematics (Toán)	3	1.1.3	TU3	3	
17	15117A	Statistics (Thống kê)	3	1.1.3	TU3	4	18125A
18	25217A	Speech Communication (Kỹ năng thuyết trình)	3	1.1.4	TU3	5	
19	15504A	Critical Thinking (Tư duy phân biện)	3	1.1.4	IT2	3	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			35				
20	15801A	Marketing Logistics (Marketing logistics)	3	1.2.1	TU2	3	
21	25451A1	Foreign Language 1 (Tiếng Anh chuyên ngành)	3	1.2.2	TU2	3	
22	15101A	Microeconomics (Kinh tế Vi mô)	3	1.2.3	TU2	3	
23	28108A	Accounting Principles (Nguyên lý kế toán)	3	1.2.4	TU3	4	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
24	15102A	Macroeconomics (Kinh tế vĩ mô)	3	1.2.5	TU2	4	15101A
25	15506A	Maritime Cargo (Hàng hóa)	3	1.2.6	TU2	4	
26	15818A	Fundamentals of Logistics and Supply Chain (Tổng quan logistics và chuỗi cung ứng)	3	1.2.7	T2	4	
27	15516A	International Business 1 (Kinh doanh quốc tế 1)	3	1.2.8	TU3	4	
28	15831A	Internship 1 (Thực tập cơ sở ngành)	2	1.2.9	U2	5	
29	15805A	Global Logistics (Logistics toàn cầu)	3	1.2.10	TU3	5	
30	15511A	Seminar 1: Methods and Design (Thảo luận 1: Phương pháp và thiết kế)	3	1.2.11	TU3	5	
31	15525A	Seminar 2: Investment Project (Dự án đầu tư logistics)	3	1.2.12	U3	6	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			30				
32	15803A	Port Logistics (Logistics cảng biển)	3	1.3.1	T3	6	15818A, 15506A
33	15813A	Warehouse Management (Quản trị kho hàng)	3	1.3.2	TU4	6	15818A, 15506A
34	15814A	Operating Logistics Services (Kinh doanh dịch vụ logistics)	3	1.3.3	TU3	6	15818A
35	15832A	Internship 2 (Thực tập chuyên ngành)	2	1.3.4	U3	7	15831A
36	15804A	Transport Logistics (Logistics vận tải)	3	1.3.5	TU4	7	15818A
37	15811A	Strategic Supply Chain Management (Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng)	3	1.3.6	TU3	7	15818A
38	15522A	International Business 2 (Kinh doanh quốc tế 2)	3	1.3.7	U3	7	15116A
39	15833A	Internship 3 (Thực tập tốt nghiệp)	4	1.3.8	U4	8	15832A
40	15812A	Dissertation (Luận văn tốt nghiệp)	6	1.3.9	U4	8	15803A, 15804A
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			39				
41	28302A	Financial Management (Quản trị tài chính)	3	1.4.1	TU3	5	
42	28268A	Building and Sustaining Strategy (Chiến lược xây dựng và phát triển bền vững)	3	1.4.2	TU3	5	
43	15515A	Maritime Economics 1 (Kinh tế hàng hải 1)	3	1.4.3	TU2	5	
44	15519A	Business Ethics (Đạo đức kinh doanh)	3	1.4.4	T3	5	
45	25451A2	Foreign Language 2 (Tiếng Anh chuyên ngành Logistics)	3	1.4.5	TU3	6	25451A1
46	28264A	Managing Business Operations (Quản trị hoạt động kinh doanh)	3	1.4.6	TU3	6	
47	11472A	Business Law (Luật kinh doanh)	3	1.4.7	T3	6	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
48	11446A	International Law (<i>Luật quốc tế</i>)	3	1.4.8	T3	6	
49	15807A	Logistics System Design (<i>Thiết kế hệ thống logistics</i>)	3	1.4.9	TU3	7	15818A
50	15841A	Logistics Case Analysis (<i>Phân tích chuyên đề logistics</i>)	3	1.4.10	TU3	7	15818A
51	15510A	Economic Geography (<i>Địa lý kinh tế</i>)	3	1.4.11	TU3	7	
52	28223A	Risk Management (<i>Quản trị rủi ro</i>)	3	1.4.12	TU3	7	
53	11454A	Maritime Insurance (<i>Bảo hiểm hàng hải</i>)	3	1.4.13	TU3	7	

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ

HK	Mã HP	MÔN HỌC	Số TC	2										3							4				
				2.1			2.2		2.4			2.5		3.1		3.2		3.3			4.1		4.2		
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2
1	25201A	General English - Listening 1	3	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	25211A	General English - Speaking 1	3															TU2							
1	25221A	General English - Reading 1	3																TU2						
1	25231A	General English - Writing 1	3																		TU2				
1	11401	Introduction to Law	2									T2													
1	19101	Marxist-Leninist Philosophy	3			TU2								TU2	TU2	TU2									
2	25202A	General English - Listening 2	3															TU3							
2	25212A	General English - Speaking 2	3																TU3						
2	25222A	General English - Reading 2	3																	TU3					
2	25232A	General English - Writing 2	3																		TU3				
2	19401	Political Economy	2	T3									T3												
2	19501	Scientific socialism	2											T3	T3										
3	19201	Ho Chi Minh's Ideology	2																						
3	18125A	Mathematics	3																						
3	15504A	Critical Thinking	3				TU2																		
3	15801A	Marketing Logistics	3																						
3	25451A1	Foreign Language 1	3																						
3	15101A	Microeconomics	3	U2				TU2																	
4	19302	History of Vietnam Communist Party	2																						
4	15117A	Statistics	3	U3	TU2																				
4	28108A	Accounting Principles	3	TU3	TU3																				
4	15102A	Macroeconomics	3																						
4	15506A	Maritime Cargo	3																						
4	15818A	Fundamentals of Logistics and Supply Chain	3	U3	U3																				
4	15516A	International Business 1	3																						
5	15831A	Internship 1	2																						
5	15805A	Global Logistics	3																						
5	25342A	English Composition	3																						
5	25217A	Speech Communication	3	TU3	TU3																				
5	15511A	Seminar 1: Methods and Design	3	U2	TU3	TU3																			
6	15525A	Seminar 2: Investment Project	3																						
6	15803A	Port Logistics	3																						
6	15813A	Warehouse Management	3	U3	TU4																				
6	15814A	Operating Logistics Services	3																						
7	15832A	Internship 2	2	U3																					
7	15804A	Transport Logistics	3	TU4																					
7	15811A	Strategic Supply Chain Management	3																						
7	15522A	International Business 2	3																						
8	15833A	Internship 3	4	U3	U4																				
8	15812A	Dissertation	6	U4	U4	U3	U3																		

Đánh giá năng lực của sinh viên

Học kỳ	CHỦ ĐỀ CDR VÀ CÁC TĐNL																						
	2										3								4				
	2.1			2.2			2.4			2.5		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2	
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	
1			TU2						T2			TU2	TU2	TU2		TU2	TU2	TU2	TU2				
2	T3											U3	U3			TU3	TU3	TU3	TU3				
3	U2			TU2	TU2									U2	TU2			U3	U3				
4	TU3	TU3		TU3		T3			T3	T2	T3	T3	T3							T2	T2	T2	T2
5	TU3	TU3	TU3	TU3	T3			TU3	TU3	T3				U2					TU3	U2	TU3	T3	TU3
6	U3	TU4		U3		U3	U3	U3				TU3	TU3	TU3						T3	U3	U3	
7	TU4		TU3		U3	U3	U3	U3		T3			U3	U3						U3	U3	U3	U3
8	U4	U4	U3	U3					U3	U3										U3	U3	U3	U3
CDR của CTĐT	4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	4	3	4	4	4	4	3	3	3	3

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	25201A	General English - Listening 1 (Tiếng Anh cơ bản - Nghe 1)	3	45				I	
2	25211A	General English - Speaking 1 (Tiếng Anh cơ bản - Nói 1)	3	45				I	
3	25221A	General English - Reading 1 (Tiếng Anh cơ bản - Đọc 1)	3	45				I	
4	25231A	General English - Writing 1 (Tiếng Anh cơ bản - Viết 1)	3	45				I	
5	11401	Introduction to Law (Pháp luật đại cương)	2	30				I	
6	19101	Marxist-Leninist Philosophy (Triết học Mác-Lênin)	3	35	20			I	
Tùy chọn			0						
TỔNG			17						

Học kỳ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			16						
1	25202A	General English - Listening 2 (Tiếng Anh cơ bản - Nghe 2)	3	45				I	25201A
2	25212A	General English - Speaking 2 (Tiếng Anh cơ bản - Nói 2)	3	45				I	25211A
3	25222A	General English - Reading 2 (Tiếng Anh cơ bản - Đọc 2)	3	45				I	25221A
4	25232A	General English - Writing 2 (Tiếng Anh cơ bản - Viết 2)	3	45				I	25231A
5	19401	Political Economy (Kinh tế chính trị)	2	20	20			I	19101
6	19501	Scientific socialism (Chủ nghĩa xã hội khoa học)	2	20	20			I	
Tùy chọn			0						
TỔNG			16						

Học kỳ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			17						
1	19201	Ho Chi Minh's Ideology (<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>)	2	20	20			I	19101
2	18125A	Mathematics (<i>Toán</i>)	3	45				I	
3	15504A	Critical Thinking (<i>Tư duy phản biện</i>)	3	45				I	
4	15801A	Marketing Logistics (<i>Marketing logistics</i>)	3	45				I	
5	25451A1	Foreign Language 1 (<i>Tiếng Anh chuyên ngành</i>)	3	45				I	
6	15101A	Microeconomics (<i>Kinh tế Vi mô</i>)	3	45				I	
Tùy chọn			0						
TỔNG			17						

Học kỳ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			20						
1	19302	History of Vietnam Communist Party (<i>Lịch sử Đảng</i>)	2	20	20			I	19101
2	15117A	Statistics (<i>Thống kê</i>)	3	45				I	18125A
3	28108A	Accounting Principles (<i>Nguyên lý kế toán</i>)	3	45				I	
4	15102A	Macroeconomics (<i>Kinh tế Vĩ mô</i>)	3	45				I	15101A
5	15506A	Maritime Cargo (<i>Hàng hóa</i>)	3	45				I	
6	15818A	Fundamentals of Logistics and Supply Chain (<i>Tổng quan logistics và CCU</i>)	3	45				I	
7	15516A	International Business 1 (<i>Kinh doanh quốc tế 1</i>)	3	45				I	
Tùy chọn			0						
TỔNG			20						

Học kỳ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			14						
1	15831A	Internship 1 (Thực tập cơ sở ngành)	2					II	
2	15805A	Global Logistics (Logistics toàn cầu)	3	45			I		
3	25342A	English Composition (Cấu trúc tiếng Anh)	3	45			I		25232A
4	25217A	Speech Communication (Kỹ năng thuyết trình)	3	45			I		
5	15511A	Seminar 1: Methods and Design (Thảo luận 1: Phương pháp và thiết kế)	3	45			I		15117A
Tùy chọn			6						
6	28302A	Financial Management (Quản trị tài chính)	3	45			I		
7	28268A	Building and Sustaining Strategy (Xây dựng và phát triển chiến lược bền vững)	3	45			I		
8	15515A	Maritime Economics 1 (Kinh tế hàng hải 1)	3	45			I		
9	15519A	Business Ethics (Đạo đức kinh doanh)	3	45			I		
TỔNG			20						

Học kỳ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			12						
1	15525A	Seminar 2: Investment Project (Dự án đầu tư logistics)	3	45				I	
2	15803A	Port Logistics (Logistics cảng biển)	3	45				I	15818A, 15506A
3	15813A	Warehouse Management (Quản trị kho hàng)	3	45				I	15818A, 15506A
4	15814A	Operating Logistics Services (Kinh doanh dịch vụ logistics)	3	45				I	15818A
Tùy chọn			6						
5	25451A2	Foreign Language 2 (Tiếng Anh chuyên ngành Logistics)	3	45				I	25451A1
6	28264A	Managing Business Operations (Quản trị hoạt động kinh doanh)	3	45				I	
7	11472A	Business Law (Luật kinh doanh)	3	45				I	
8	11446A	International Law (Luật quốc tế)	3	45				I	

TỔNG	18								
-------------	-----------	--	--	--	--	--	--	--	--

Học kỳ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			11						
1	15832A	Internship 2 (Thực tập chuyên ngành)	2					II	15831A
2	15804A	Transport Logistics (Logistics vận tải)	3	45				I	15818A
3	15811A	Strategic Supply Chain Management (Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng)	3	45				I	15818A
4	15522A	International Business 2 (Kinh doanh quốc tế 2)	3	45				I	15116A
Tùy chọn			6						
5	15807A	Logistics System Design (Thiết kế hệ thống logistics)	3	45				I	15818A
6	15841A	Logistics Case Analysis (Phân tích chuyên đề logistics)	3	45				I	15818A
7	15510A	Economic Geography (Địa lý kinh tế)	3	45				I	
8	28223A	Risk Management (Quản trị rủi ro)	3	45				I	
9	11454	Maritime Insurance (Bảo hiểm hàng hải)	3	45				I	
TỔNG			17						

Học kỳ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			10						
1	15833A	Internship 3 (Thực tập tốt nghiệp)	4					II	15832A
2	15812A	Dissertation (Luận văn tốt nghiệp)	6					II	15803A, 15804A
Tùy chọn			0						
TỔNG			10						

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần